

Số: /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày tháng 5 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự án: Khu chung cư Tạ Quang Bửu,  
phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung  
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của  
Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn một số điều của Luật nhà ở; Nghị định số  
30/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một  
số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của  
Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của  
Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội; Nghị định số 49/2021/NĐ-CP  
ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của  
Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của  
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 sửa đổi,  
bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ  
Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của  
Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

*Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Dương đến năm 2040;*

*Căn cứ Quyết định số 2109/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2023 của UBND thành phố Hải Dương về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ (lần 4) Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu chung cư Tạ Quang Bửu (Lô II, IV, VII thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu tập thể CBCNV "Làng LILAMA 69-3, tỷ lệ 1/500;*

*Căn cứ Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 06 tháng 11 năm 2023 của HĐND tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án: Khu chung cư Tạ Quang Bửu, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương;*

*Căn cứ Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 06 tháng 11 năm 2023 của HĐND tỉnh về phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương 5 năm 2021-2025 và năm 2023 (lần 6);*

*Căn cứ Quyết định số 2586/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2023 của UBND tỉnh về phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương 5 năm 2021-2025 và năm 2023 (lần 6).*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1592/TTr-SKHĐT ngày 23 tháng 5 năm 2024.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Dự án: Khu chung cư Tạ Quang Bửu, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương với những nội dung như sau:

**1. Tên dự án:** Khu chung cư Tạ Quang Bửu, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương.

**2. Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương.

**3. Chủ đầu tư dự án:** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Hải Dương.

**4. Tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi:** Liên danh Tổng công ty tư vấn xây dựng Việt Nam - Công ty cổ phần Đông Á - Công ty cổ phần khảo sát và xây dựng.

**5. Chủ nhiệm lập dự án:** Ông Nguyễn Văn Tiến.

**6. Hình thức đầu tư:** Đầu tư xây dựng mới.

**7. Mục tiêu đầu tư**

Đầu tư xây dựng Khu chung cư Tạ Quang Bửu là công trình nhà ở xã hội

(NOXH) cao tầng nhằm phục vụ di dời các hộ dân (đủ điều kiện được hưởng chính sách NOXH theo quy định) hiện đang sinh sống tại các khu tập thể, chung cư cũ đã xuống cấp, không đảm bảo chất lượng công trình và an toàn sử dụng trên địa bàn thành phố Hải Dương (Khu tập thể Bình Minh, Khu tập thể máy Bom, Khu tập thể máy Sứ...).

Trường hợp sau khi bố trí cho các hộ nêu trên còn dư căn hộ, UBND thành phố Hải Dương có trách nhiệm báo cáo cấp có thẩm quyền để bố trí cho các đối tượng khác đủ điều kiện được hưởng chính sách NOXH theo quy định.

## **8. Nội dung và quy mô đầu tư**

Đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội theo chủ trương đầu tư và quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt với tổng diện tích thực hiện dự án: 4.831,5 m<sup>2</sup>, trong đó:

- Tòa Chung cư CT1 quy mô 18 tầng, diện tích xây dựng tầng 01 là 1.120,0m<sup>2</sup>, tổng diện tích sàn xây dựng 20.217,0m<sup>2</sup>. Bố trí 240 căn hộ nhà ở xã hội với diện tích các căn hộ khoảng từ 45,0m<sup>2</sup> đến 62,0m<sup>2</sup>.

- Tòa Chung cư CT2 quy mô 18 tầng, diện tích xây dựng tầng 01 là 770,0m<sup>2</sup>, tổng diện tích sàn 13.484,0m<sup>2</sup>. Bố trí 150 căn hộ nhà ở xã hội với diện tích các căn hộ khoảng từ 45,0m<sup>2</sup> đến 62,0m<sup>2</sup>.

- Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà.

- Phá dỡ các hạng mục hiện trạng trong khuôn viên khu đất thực hiện dự án để lấy mặt bằng xây dựng công trình (Bể nước, nhà xử lý nước 01 tầng, đường giao thông, rãnh, ống cống, vỉa hè...) và hoàn trả vỉa hè, đường giao thông và các hạng mục khác có liên quan.

## **9. Địa điểm thực hiện dự án; diện tích đất sử dụng**

- Địa điểm thực hiện dự án: Phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Diện tích đất sử dụng: Khoảng 4.831,5 m<sup>2</sup>.

## **10. Nhóm dự án: Dự án nhóm B.**

## **11. Loại, cấp, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính:**

- Loại công trình: Công trình dân dụng.

- Cấp công trình: Công trình cấp II.

- Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính không nhỏ hơn 50 năm.

**12. Số bước thiết kế:** Thiết kế 2 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở).

## **13. Giải pháp thiết kế chủ yếu**

### **13.1. Tòa Chung cư CT1:**

a) Giải pháp thiết kế kiến trúc:

- Quy mô 18 tầng + 01 tầng tum (tầng tum không tính vào số tầng của công trình), diện tích xây dựng tầng 01 là 1.120,0m<sup>2</sup>; tổng diện tích sàn 20.217,0m<sup>2</sup>; chiều cao công trình 70,15m (tầng 01 cao 4,8m; tầng 03 cao 4,2m; tum cao 3,9m; các tầng còn lại cao 3,3m; cốt nền tầng 01 cao hơn cốt mặt sân 0,45m). Công trình bố trí 240 căn hộ, giao thông theo phương đứng sử dụng 02 cầu thang bộ và 04 thang máy, mặt bằng các tầng như sau:

+ Tầng 01: Diện tích sàn 1.120,0m<sup>2</sup> bố trí: Sảnh, phòng sinh hoạt cộng đồng, nhà trẻ, siêu thị và các phòng kỹ thuật, phụ trợ.

+ Tầng 02, 03: Diện tích sàn mỗi tầng 1.141,0m<sup>2</sup> bố trí: Khu để xe và các phòng kỹ thuật, phụ trợ.

+ Tầng 04 đến tầng 18: Diện tích sàn mỗi tầng 1.113,0m<sup>2</sup> bố trí: Các căn hộ (mỗi tầng bố trí 16 căn hộ) và các phòng kỹ thuật, phụ trợ.

+ Tầng tum: Tổng diện tích sàn 120,0m<sup>2</sup> bố trí tum thang và phòng kỹ thuật.

- Tường trong và ngoài nhà lãn sơn hoàn thiện (tường trong các khu vệ sinh ốp gạch ceramic). Trần các phòng, khu hành lang dùng trần thạch cao. Nền, sàn lát gỗ công nghiệp, gạch ceramic, gạch granite (theo từng vị trí); mặt bậc cầu thang bộ và sàn khu để xe sơn Epoxy. Hệ thống cửa dùng các loại: Cửa khung nhôm kết hợp kính, cửa gỗ công nghiệp, cửa chống cháy...

*b) Giải pháp thiết kế kết cấu:*

Móng cọc khoan nhồi bê tông cốt thép mác 400, đường kính cọc D1000 và D1200, mũi cọc đặt vào lớp cát hạt nhỏ, trạng thái chặt đến rất chặt; đài cọc và giằng đài bê tông cốt thép mác 400. Kết cấu phần thân khung bê tông cốt thép (cột, vách mác 500; dầm, sàn mác 400); tiết diện cột chính: 300x1500mm, 400x1500mm, 400x1200mm; vách khu thang máy dày 300mm; tiết diện dầm chính: 600x500mm, 300x600mm, 300x500mm; sàn bê tông cốt thép dày 140mm (một số vị trí dày 200mm).

*c) Giải pháp thiết kế điện, chống sét:*

Nguồn điện cấp cho các công trình lấy Trạm biến áp và máy phát điện dự phòng của dự án cấp đến tủ điện tổng của công trình sau đó cấp đến các tủ điện tầng và các phụ tải. Các dây dẫn đi theo thang cáp, máng cáp và ngầm trong tường, trần (theo từng vị trí cụ thể); dùng các loại dây dẫn: CU/XLPE/PVC, CU/XLPE/PVC-FR.

Chống sét cho công trình dùng hệ thống chống sét tia tiên đạo có bán kính bảo vệ 89,0m

*d) Giải pháp thiết kế cấp, thoát nước:*

Nguồn nước cấp cho các công trình lấy từ bể nước ngầm của dự án bơm lên téc nước đặt trên mái công trình rồi cấp đến các thiết bị. Ống cấp nước dùng ống PPR.

Nước mái thu gom vào các ống đứng thoát nước mái sau đó thoát xuống hệ thống thoát nước mưa của khu vực. Nước thải sinh hoạt được thu gom vào bể phốt để xử lý cục bộ rồi thoát ra hệ thống thu gom nước thải của khu vực. Ống thoát nước dùng ống PVC.

### **13.2. Tòa Chung cư CT2:**

#### **a) Giải pháp thiết kế kiến trúc:**

- Quy mô 18 tầng + 01 tầng tum (tầng tum không tính vào số tầng của công trình), diện tích xây dựng tầng 01 là 770,0m<sup>2</sup>, tổng diện tích sàn 13.484,0m<sup>2</sup>, chiều cao công trình 70,45m (tầng 01 cao 4,8m; tầng 03 cao 4,2m; tum cao 3,9m; các tầng còn lại cao 3,3m; cốt nền tầng 01 cao hơn cốt mặt sân 0,45m). Công trình bố trí 150 căn hộ, giao thông theo phương đứng sử dụng 02 cầu thang bộ và 03 thang máy, mặt bằng các tầng như sau:

+ Tầng 01: Diện tích sàn 770,0m<sup>2</sup> bố trí: Sảnh, phòng sinh hoạt cộng đồng, nhà trẻ, siêu thị và các phòng kỹ thuật, phụ trợ.

+ Tầng 02, 03: Diện tích sàn mỗi tầng 764,0m<sup>2</sup> bố trí: Khu để xe và các phòng kỹ thuật, phụ trợ.

+ Tầng 04 đến tầng 18: Diện tích sàn mỗi tầng 738,0m<sup>2</sup> bố trí: Các căn hộ (mỗi tầng bố trí 10 căn hộ) và các phòng kỹ thuật, phụ trợ.

+ Tầng tum: Diện tích sàn 116,0m<sup>2</sup> bố trí tum thang và phòng kỹ thuật.

- Tường trong và ngoài nhà lãn sơn hoàn thiện (tường trong các khu vệ sinh ốp gạch ceramic). Trần các phòng, khu hành lang dùng trần thạch cao. Nền, sàn lát gỗ công nghiệp, gạch ceramic, gạch granite (theo từng vị trí); mặt bậc cầu thang bộ và sàn khu để xe sơn Epoxy. Hệ thống cửa dùng các loại: Cửa khung nhôm kết hợp kính, cửa gỗ công nghiệp, cửa chống cháy...

#### **b) Giải pháp thiết kế kết cấu:**

Móng cọc khoan nhồi bê tông cốt thép mác 400, đường kính cọc D1000 và D1200, mũi cọc đặt vào lớp cát hạt nhỏ, trạng thái chặt đến rất chặt; đài cọc và giằng đài bê tông cốt thép mác 400. Kết cấu phần thân khung bê tông cốt thép (cột, vách mác 500; dầm, sàn mác 400); tiết diện cột chính: 400x1500mm, 400x1200mm, 400x1000mm; vách khu thang máy dày 300mm; tiết diện dầm chính: 300x600mm, 300x500mm, 250x500mm; sàn bê tông cốt thép dày 140mm (một số vị trí dày 200mm).

#### **c) Giải pháp thiết kế điện, chống sét:**

Nguồn điện cấp cho các công trình lấy Trạm biến áp và máy phát điện dự phòng của dự án cấp đến tủ điện tổng của công trình sau đó cấp đến các tủ điện tầng và các phụ tải. Các dây dẫn đi theo thang cáp, máng cáp và ngầm trong

tường, trần (theo từng vị trí cụ thể); dùng các loại dây dẫn: CU/XLPE/PVC, CU/XLPE/PVC-FR.

Chống sét cho công trình dùng hệ thống chống sét tia tiên đạo có bán kính bảo vệ 89,0m.

*d) Giải pháp thiết cấp, thoát nước:*

Nguồn nước cấp cho các công trình lấy từ bể nước ngầm của dự án bơm lên téc nước đặt trên mái công trình rồi cấp đến các thiết bị. Ống cấp nước dùng ống PPR.

Nước mái thu gom vào các ống đứng thoát nước mái sau đó thoát xuống hệ thống thoát nước mưa của khu vực. Nước thải sinh hoạt được thu gom vào bể phốt để xử lý cục bộ rồi thoát ra hệ thống thu gom nước thải của khu vực. Ống thoát nước dùng ống PVC.

**13.3. Hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà:**

*a) Bể nước sinh hoạt + PCCC:*

- Bể nước CT1: Diện tích xây dựng  $191,0\text{m}^2$ ; khối tích sử dụng  $560,0\text{m}^3$ . Cốt mặt bể  $-0,3\text{m}$  so với cốt mặt sân; cốt đáy bể  $-5,75\text{m}$  so với cốt mặt sân; phòng bơm cao  $3,4\text{m}$  (tính từ cốt mặt bể). Kết cấu bể bê tông cốt thép mác 400 trên nền gia cố cọc tre dài  $2,5\text{m}$  (mật độ  $25\text{ cọc}/\text{m}^2$ ).

- Bể nước CT2: Diện tích xây dựng  $191,0\text{m}^2$ ; khối tích sử dụng  $535,0\text{m}^3$ . Cốt mặt bể  $-0,3\text{m}$  so với cốt mặt sân; cốt đáy bể  $-5,55\text{m}$  so với cốt mặt sân; phòng bơm cao  $3,4\text{m}$  (tính từ cốt mặt bể). Kết cấu bể bê tông cốt thép mác 400 trên nền gia cố cọc tre dài  $2,5\text{m}$  (mật độ  $25\text{ cọc}/\text{m}^2$ ).

*b) Bể tự hoại:*

- Bể tự hoại CT1: Diện tích xây dựng  $57,0\text{m}^2$ , khối tích sử dụng  $80,0\text{m}^3$ . Cốt mặt bể  $-0,3\text{m}$  so với cốt mặt sân; cốt đáy bể  $-2,8\text{m}$  so với cốt mặt sân. Kết cấu bể bê tông cốt thép mác 400 trên nền gia cố cọc tre dài  $2,5\text{m}$  (mật độ  $25\text{ cọc}/\text{m}^2$ ).

- Bể tự hoại CT2: Diện tích xây dựng  $42,0\text{m}^2$ , khối tích sử dụng  $53,0\text{m}^3$ . Cốt mặt bể  $-0,3\text{m}$  so với cốt mặt sân; cốt đáy bể  $-2,8\text{m}$  so với cốt mặt sân. Kết cấu bể bê tông cốt thép mác 400 trên nền gia cố cọc tre dài  $2,5\text{m}$  (mật độ  $25\text{ cọc}/\text{m}^2$ ).

*c) Sân đường nội bộ, bồn cây:*

- Sân đường: Cấu tạo từ trên xuống: Lớp bê tông nhựa C16 dày  $7,0\text{cm}$  - Lớp nhựa thấm bảm, tiêu chuẩn nhựa  $1,0\text{kg}/\text{m}^2$  - Lớp cấp phối đá dăm loại I, dày  $15,0\text{cm}$  - Lớp cấp phối đá dăm loại II, dày  $25,0\text{cm}$  - Lớp cát đầm chặt K95 dày khoảng  $40,0\text{cm}$ .

- Bồn cây: Được bố trí quanh công trình và giáp vỉa hè; thành bồn xây gạch cao 0,15m so với cốt sân đường nội bộ, ốp đá granite mặt trên và thành ngoài. Trồng các loại cây: Hoa ban, bàng Đài Loan, cỏ nhật...

*d) Cấp điện:*

Nguồn điện cấp cho các hạng mục công trình thuộc dự án lấy từ nguồn hiện có trong khu vực cấp đến Trạm biến áp của dự án (xây dựng mới 02 trạm biến áp 630kVA-22/0,4KV+DDZ0,4KV), từ đó cấp đến các công trình và hệ thống điện chiếu sáng ngoài nhà. Dùng dùng các loại dây dẫn: CU/XLPE/PVC, CU/XLPE/PVC-FR.

*e) Cấp, thoát nước:*

- Nguồn nước cấp cho dự án lấy từ hệ thống cấp nước trong khu vực cấp đến các bể nước ngầm của dự án, từ đó cấp đến các công trình. Dùng các loại ống HDPE.

- Nước mưa, nước mặt thu gom vào hệ thống thoát nước mưa ngoài nhà của dự án sau đó thoát ra hệ thống thoát nước mưa của khu vực; nước thải sinh hoạt được xử lý từ bể phốt thoát ra hệ thống thoát nước thải ngoài nhà của dự án sau đó thoát ra hệ thống thoát nước thải của khu vực. Hệ thống thoát nước mưa ngoài nhà dùng cống bê tông cốt thép, ống u.PVC và rãnh xây kết hợp các hố ga thu nước; hệ thống thoát nước thải ngoài nhà dùng ống u.PVC kết hợp các hố ga thu nước.

**13.4. Giải pháp thiết kế về phòng cháy và chữa cháy:**

Thiết kế về phòng cháy và chữa cháy công trình đã được Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Hải Dương tham gia ý kiến đối với một số giải pháp an toàn PCCC, gồm: Khoảng cách an toàn PCCC; bậc chịu lửa công trình; mặt bằng bố trí công năng; hệ thống điện cấp cho PCCC; hệ thống chống sét; đèn chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn; phương tiện chữa cháy ban đầu, dụng cụ phá dỡ thô sơ.

**14. Tiêu chuẩn, quy chuẩn chủ yếu áp dụng:** theo hồ sơ thiết kế cơ sở của Dự án được Sở Xây dựng thẩm định tại: Văn bản số 824/SXD-QLXD&HTKT ngày 22/4/2024, Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định tại Văn bản số 1529/SKHĐT-KTN ngày 17/5/2024 và các tiêu chuẩn, quy chuẩn có liên quan.

**15. Giải phóng mặt bằng:** Dự án không phải thực hiện công tác giải phóng mặt bằng.

**16. Tổng mức đầu tư dự án:** 292.301.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm chín mươi hai tỷ, ba trăm linh một triệu đồng*).

*Trong đó:*

- Chi phí xây dựng:	234.572.995.000 đồng
- Chi phí thiết bị:	34.419.227.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	4.993.359.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	13.230.276.000 đồng
- Chi phí khác:	2.926.412.000 đồng
- Chi phí dự phòng:	2.158.731.000 đồng

**17. Nguồn vốn:** Ngân sách tỉnh trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

- Dự kiến bố trí nguồn vốn để thực hiện dự án theo tiến độ:
- + Năm 2024: 85.000.000.000 đồng;
- + Năm 2025: 207.301.000.000 đồng.

**18. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

**19. Thời gian thực hiện:** Năm 2023-2025.

*(Chi tiết theo hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án do Liên danh Tổng công ty tư vấn xây dựng Việt Nam - Công ty cổ phần Đông Á - Công ty cổ phần khảo sát và xây dựng lập, Liên danh Viện khoa học công nghệ về đầu tư và xây dựng - Công ty TNHH xây dựng và thương mại Nam Tiến Đạt thẩm tra, Sở Xây dựng thẩm định tại Văn bản số 824/SXD-QLXD&HTKT ngày 22/4/2024, Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định tại Văn bản số 1529/SKHĐT-KTN ngày 17/5/2024).*

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

- Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện Dự án theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước về đầu tư xây dựng công trình, đảm bảo chất lượng, tiến độ, hiệu quả, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, tránh làm thất thoát ngân sách Nhà nước, không để phát sinh tham nhũng, tiêu cực và thực hiện các kiến nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 824/SXD-QLXD&HTKT ngày 22/4/2024 và của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 1529/SKHĐT-KTN ngày 17/5/2024, Văn bản số 1592/TTr-SKHĐT ngày 23/5/2024 đảm bảo quy định của pháp luật.

- UBND thành phố Hải Dương chủ động phối hợp với chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện Dự án đảm bảo tiến độ, chất lượng, an toàn lao động, vệ sinh môi trường và thực hiện các kiến nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 1592/TTr-SKHĐT ngày 23/5/2024 đảm bảo quy định của pháp luật.



- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các sở, ngành, chủ đầu tư, cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn để thực hiện Dự án đảm bảo tiến độ được phê duyệt.

- Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chủ đầu tư triển khai thực hiện Dự án theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Hải Dương; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Hải Dương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- CV VP UBND tỉnh: Hương, Đôn;
- Lưu: VT; KTN, NCC (10b).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lưu Văn Bản**